

Số: 09/2025/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 14 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Nhà ở ngày 27 tháng 11 năm 2023;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;
Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;
Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
Căn cứ Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ Phát triển đất;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 54/TTr-STC ngày 28/02/2025;
Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và thay thế các Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc ban hành Điều lệ tổ chức, hoạt động và Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc; Ban kiểm soát Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc; Giám đốc Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực VIII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phùng Thị Kim Nga

ĐIỀU LỆ

Tổ chức, hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc
(Kèm theo Quyết định số: 09/2025/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định của Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về Quỹ phát triển đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc.
- Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ Phát triển đất theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác có liên quan đến Quỹ Phát triển đất.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở

- Tên gọi: Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tên giao dịch quốc tế: Vinhphuc Land Resources Development Fund;
- Trụ sở chính của Quỹ đặt tại trụ sở Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Phúc (số 40 đường Nguyễn Trãi - phường Đồng Đa - thành phố Vĩnh Yên - tỉnh Vĩnh Phúc).

CHƯƠNG II

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ, TƯ CÁCH PHÁP NHÂN, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Quỹ

- Quỹ Phát triển đất tỉnh Vĩnh Phúc (sau đây gọi tắt là Quỹ) là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh do Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ.

3. Quỹ có chức năng tiếp nhận nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, huy động nguồn vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động và quản lý tài chính của Quỹ

1. Tự chủ tài chính, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Việc sử dụng Quỹ đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tất cả các khoản chi phải được kiểm tra, kiểm soát trước, trong và sau quá trình cấp phát thanh toán. Các khoản chi phải có trong kế hoạch, đúng chính sách, đúng chế độ, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định và được Giám đốc Quỹ hoặc người được uỷ quyền quyết định chi. Người ra quyết định chi phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình, nếu chi sai phải bồi hoàn cho công quỹ và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Quỹ công khai tình hình huy động, quản lý, sử dụng quỹ và báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Tổ chức hạch toán kế toán, báo cáo và quyết toán thu, chi theo đúng niên độ (tính theo năm dương lịch), chế độ kế toán và các chính sách quy định của pháp luật.

6. Không lợi dụng hoạt động của Quỹ để nhằm mục đích tư lợi cá nhân và hoạt động trái với các quy định tại Quyết định này và pháp luật.

Điều 6. Nhiệm vụ của Quỹ

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn

2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo quy định.

3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.

4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.

5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo khoản 5 Điều 23 của Điều lệ này; Xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

Điều 7. Quyền hạn của Quỹ

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ.

3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ ứng vốn.

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.

5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 8. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Mô hình hoạt động của Quỹ: Hoạt động độc lập.

Điều 9. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch Hội đồng quản lý, tối đa 02 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý và các thành viên khác, số lượng, thành phần cụ thể của Hội đồng quản lý bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Số lượng thành viên của Hội đồng quản lý là số lẻ.

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý là Giám đốc Quỹ; 01 Phó chủ tịch còn lại (nếu có) và thành viên khác của Hội đồng quản lý là Lãnh đạo các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây Dựng, Nội vụ và một số Sở, ban, ngành có liên quan.

d) Thành viên Hội đồng quản lý không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu (sau đây gọi tắt là Người có liên quan) của các thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý hoạt động kiêm nhiệm hoặc chuyên trách.

3. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch thành viên Hội đồng quản lý hoạt động chuyên trách do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ này; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát; phê duyệt theo thẩm quyền hoặc thông qua kế hoạch ứng vốn từ Quỹ để trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và pháp luật.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ và Cơ quan điều hành nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Trường hợp có phát sinh khó khăn, vướng mắc chưa quy định hoặc quy định chưa phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế thì Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét giải quyết.

k) Các nhiệm vụ quyền hạn khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhưng không trái với quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

6. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

b) Các kết luận của Hội đồng quản lý được thể hiện bằng nghị quyết hoặc quyết định của Hội đồng quản lý.

c) Hội đồng quản lý quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp).

Điều 10. Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, gồm: Trưởng ban, Phó trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát hoạt động kiêm nhiệm hoặc chuyên trách. Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn

nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Trưởng ban kiểm soát và các thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

3. Thành viên của Ban kiểm soát không phải là “Người có liên quan” của các thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

4. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ và các thành viên thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và pháp luật có liên quan.

5. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có trình độ đại học trở lên, có đạo đức nghề nghiệp, có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

c) Không thuộc đối tượng tại khoản 3 Điều này.

d) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

6. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng ban kiểm soát

a) Đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

c) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm Phó Trưởng ban kiểm soát

a) Đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát quy định tại khoản 5 Điều này.

b) Phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

c) Đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát:

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ.

b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.

c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.

đ) Trong trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

e) Trưởng Ban kiểm soát được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

g) Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy định.

h) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao.

9. Phó Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

10. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện về các thiệt hại của Quỹ.

11. Phó Trưởng Ban Kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng ban kiểm soát vắng mặt, Trưởng ban kiểm soát ủy quyền cho Phó trưởng ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng ban kiểm soát.

12. Được sử dụng con dấu của Quỹ cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.

Điều 11. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm: Giám đốc, không quá 02 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và không quá 03 phòng (thực hiện chức năng hành chính và nghiệp vụ Quỹ). Các phòng của Cơ quan điều hành nghiệp vụ do Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ. Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm.

3. Biên chế của Cơ quan điều hành nghiệp vụ hoạt động chuyên trách là viên chức.

4. Việc tuyển dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Cơ quan điều hành nghiệp vụ thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và pháp luật có liên quan.

a) Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Quỹ

Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư, quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán.

Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Phó Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, Thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của Phó Giám đốc Quỹ

Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm trong lĩnh vực Tài chính, đầu tư, Quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán.

Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ, thành viên Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Phó Giám đốc Quỹ.

Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

Phó Giám đốc Quỹ được bổ nhiệm với thời hạn 05 năm và có thể bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỉ luật theo quy định của Pháp luật.

c) Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng Quỹ

Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

Không phải người có liên quan của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý, Giám đốc, Phó Giám đốc Quỹ, thành viên Ban Kiểm soát, Thủ quỹ và không phải người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kế toán trưởng.

Có sức khỏe, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật; có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng.

Đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

Kế toán trưởng Quỹ được bổ nhiệm với thời hạn là 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Kế toán trưởng Quỹ theo quy định của pháp luật.

d) Tiêu chuẩn bổ nhiệm trưởng, phó phòng nghiệp vụ

Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Có trình độ đại học trở lên, có đạo đức nghề nghiệp, có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

Trưởng, phó phòng chuyên môn do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm có thời hạn là 05 năm và được bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỉ luật, thôi việc, nghỉ hưu theo quy định của pháp luật.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, các quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác quy định tại Điều lệ này.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn của Quỹ để trình Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Nghị định này.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 12. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ

a) Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

b) Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

c) Quyết định ứng vốn theo quy định tại Điều lệ của Quỹ.

d) Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

đ) Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ.

e) Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Quỹ.

g) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy

định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật.

h) Báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

i) Ban hành các văn bản quy định về:

Tổ chức hoạt động kiểm tra và kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật;

Trình Hội đồng quản lý Quỹ ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

Chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi xã hội đối với người lao động phù hợp với các quy định của pháp luật;

Các văn bản hướng dẫn cụ thể thực hiện các quy định của Nhà nước theo thẩm quyền và các văn bản khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

k) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Phó Giám đốc Quỹ

Phó Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ tham mưu giúp Giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền. Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm.

Điều 14. Kế toán trưởng Quỹ

1. Kế toán trưởng Quỹ do Giám đốc Quỹ đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

2. Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán các quy định của pháp luật liên quan và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng của Quỹ thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể Quỹ hoặc trường hợp Kế toán trưởng của Quỹ chuyển công việc khác thì phải hoàn thành việc quyết toán trước khi nhận công việc khác đồng thời phải chịu trách nhiệm về các số liệu, báo cáo kế toán trong giai đoạn mình phụ trách cho đến khi bàn giao xong công việc cho người khác.

Điều 15. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm

Phòng Hành chính, tổng hợp.

02 phòng chuyên môn nghiệp vụ.

Các phòng chuyên môn nghiệp vụ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

CHƯƠNG IV

LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 16. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của Bộ Luật lao động và các quy định hiện hành trên cơ sở hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc với người lao động.

1. Giám đốc Quỹ có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu hoạt động của Quỹ trên cơ sở phù hợp với quy định của Bộ Luật Lao động và quy định của tỉnh.

2. Cán bộ, viên chức của Quỹ phải đảm bảo tiêu chuẩn chức danh quy định có năng lực, trình độ và khả năng hoàn thành công việc theo yêu cầu của Quỹ. Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng vị trí việc làm của Quỹ được cụ thể hóa khi có nhu cầu tuyển dụng.

3. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức xây dựng và ban hành Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động phù hợp với các điều kiện thực tế của Quỹ theo quy định của Bộ Luật Lao động và các quy định hiện hành.

Điều 17. Tiền lương, tiền công và các chế độ đối với người lao động

Tiền lương, tiền công, thu nhập tăng thêm và các khoản phụ cấp, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo các quy định hiện hành phù hợp với kết quả hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

Điều 18. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

1. Người lao động làm việc tại Quỹ được hưởng các quyền lợi theo quy định tại Điều lệ này, nội quy lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

Người lao động thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của Bộ Luật Lao động.

Người lao động trong thời gian làm việc tại Quỹ được tham gia công tác, học tập, thăm quan và khảo sát ở trong nước và nước ngoài khi cần thiết theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

2. Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động và Điều lệ, nội quy, kỷ luật của Quỹ, các quy định của tỉnh và pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V

HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 19. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ gồm:

a) Vốn điều lệ là: 1.452.400.000.000 đồng (Một nghìn bốn trăm năm mươi hai tỷ bốn trăm triệu đồng).

b) Vốn điều lệ tăng hàng năm

Từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật: Giám đốc Quỹ Quyết định sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản lý.

Được ngân sách cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương.

c) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định.

2. Vốn hoạt động của Quỹ được gửi tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả. Quỹ mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ.

3. Trong trường hợp nhu cầu tăng vốn Điều lệ của Quỹ, Quỹ sẽ đề xuất Hội đồng quản lý để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 20. Sử dụng vốn hoạt động của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng để:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước).

b) Ứng vốn cho tổ chức phát triển quỹ đất để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước; Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng, đầu tư kết cấu hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật quy định tại Nghị Định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính Phủ.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 và việc hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này.

Điều 21. Kế hoạch ứng vốn và Điều kiện ứng vốn

1. Kế hoạch ứng vốn:

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức thuộc đối tượng ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này. Quỹ tổng hợp lập kế hoạch ứng vốn cho các dự án và báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch làm căn cứ thực hiện.

Trường hợp có phát sinh nhu cầu ứng vốn trong năm của các tổ chức thuộc đối tượng ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 20 tại Điều lệ này, lập kế hoạch bổ sung theo quy định gửi Quỹ báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung làm căn cứ thực hiện.

2. Điều kiện ứng vốn gồm:

a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn.

b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.

d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.

đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 22. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

Việc ứng vốn cho dự án được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của đơn vị.

1. Giám đốc Quỹ quyết định ứng vốn lũy kế đến 15 tỷ đồng trên một dự án.

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn lũy kế trên 15 tỷ đồng đến 30 tỷ đồng trên một dự án.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ứng vốn lũy kế trên 30 tỷ đồng trên một dự án.

Điều 23. Trình tự, thủ tục ứng vốn

1. Trình tự, thủ tục ứng vốn

Trên cơ sở Kế hoạch ứng vốn đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thuộc đối tượng ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này được ứng vốn, lập 01 bộ hồ sơ đề nghị ứng vốn gửi Quỹ. Hồ sơ đề nghị gồm:

Văn bản của tổ chức được ứng vốn về việc đề nghị ứng vốn (trong đó nêu rõ kế hoạch, tiến độ thực hiện khối lượng công việc; Phương án hoàn trả vốn ứng; Cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng thời hạn): 01 bản chính

Hồ sơ, tài liệu liên quan đến điều kiện ứng vốn quy định tại khoản 2 Điều 21 Điều lệ này: 01 bản sao

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Quỹ trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Điều lệ này quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

3. Căn cứ Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Điều lệ này, Quỹ kiểm soát hồ sơ quy định tại Điều này và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho

bạc Nhà nước nơi mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ. Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản thanh toán thực hiện lệnh chuyển tiền của Quỹ cho đối tượng thụ hưởng theo quy định.

4. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này, đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không được sử dụng vốn ứng từ Quỹ vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.

5. Quỹ có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 24. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án và phải được xác định số tiền chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ là một hạng mục cụ thể khi phê duyệt dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 25. Hoàn trả vốn ứng và chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ

1. Hoàn trả vốn ứng

a) Thời gian hoàn trả

Thời gian hoàn trả vốn ứng cho Quỹ theo Phương án hoàn trả vốn ứng của đơn vị, tổ chức ứng vốn, chủ đầu tư dự án.

Trường hợp đơn vị không thực hiện hoàn trả vốn ứng theo đúng phương án hoàn trả, thì người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

b) Thủ tục hoàn trả vốn ứng

Hoàn trả vốn ứng từ nguồn vốn của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt:

Tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Điều lệ này lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước (nơi tổ chức được ứng vốn mở tài khoản). Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu quy định hiện hành: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định ứng vốn từ Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại Điều 22 Điều lệ này: 01 bản sao;

Quyết định giao kế hoạch vốn hằng năm của dự án (trong đó có số tiền hoàn trả vốn ứng cho Quỹ): 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án đầu tư: 01 bản chính.

Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ do tổ chức được ứng vốn gửi; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

c) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo quy định của pháp luật về quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

d) Hoàn trả vốn ứng trong trường hợp còn lại (không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này):

Căn cứ vào số tiền ứng vốn chưa hoàn trả cho Quỹ (bao gồm cả số tiền ứng vốn của kỳ trước nếu có), thời hạn ứng và phương án hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, tổ chức được ứng vốn theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này báo cáo cấp có thẩm quyền của địa phương để bố trí trong dự toán ngân sách chi đầu tư phát triển khác của cấp tương ứng để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ.

Nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được bố trí trong dự toán chi đầu tư phát triển khác. Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự toán ngân sách được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Căn cứ dự toán ngân sách được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị hoàn trả vốn ứng cho Quỹ, gửi Kho bạc Nhà nước. Hồ sơ gồm:

Giấy đề nghị hoàn trả vốn ứng (trong đó nêu rõ số tiền ứng vốn từ Quỹ chưa hoàn trả, thời hạn ứng): 02 bản chính;

Giấy rút vốn theo Mẫu quy định hiện hành: 02 bản chính và đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của Kho bạc Nhà nước, các thành phần hồ sơ phải được ký số theo quy định;

Quyết định giao dự toán ngân sách của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

Quyết định hoàn trả vốn ứng của cơ quan, người có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ: 01 bản chính.

Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ quy định tại điểm c khoản này, Kho bạc Nhà nước kiểm soát tính hợp pháp của hồ sơ; trường hợp đảm bảo đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước chuyển tiền cho Quỹ; trường hợp không đúng quy định thì Kho bạc Nhà nước từ chối chuyển tiền.

Các nội dung khác về quy trình thủ tục giao dịch tại Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

Tổ chức được ứng vốn thực hiện quyết toán số tiền hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ cùng với quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm.

đ) Trường hợp số vốn đã ứng nhưng chưa sử dụng hết (nếu có) phải hoàn trả cho Quỹ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc sử dụng vốn ứng cho nội dung đã đề nghị nhưng không sử dụng hết.

2. Hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng

a) Thời gian hoàn trả: Quý I năm liền kề.

Hàng năm các đơn vị, tổ chức ứng vốn, chủ đầu tư dự án, phải bố trí nguồn hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ theo mức chi phí quy định tại Điều 24 Điều lệ này (theo năm tài chính từ 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12).

b) Thủ tục hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng

Nguồn hoàn trả từ nguồn chi phí khác trong tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ: Thực hiện như quy định về hoàn trả vốn ứng (tại điểm b khoản 1 Điều này)

Nguồn hoàn trả từ nguồn chi khác của đơn vị: Khi lập dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, các đơn vị, tổ chức ứng vốn, chủ đầu tư dự án căn cứ vào số vốn đã ứng và mức chi phí quản lý vốn ứng theo mức chi phí quy định tại Điều 24 Điều lệ này để bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước, hoặc nguồn khác như viện trợ, tài trợ..., nguồn kinh phí hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ.

Điều 26. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ

1. Quỹ được nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính nhà nước khác của địa phương theo quy định, trừ trường hợp Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển địa phương hoặc Quỹ tài chính khác của địa phương.

2. Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với bên ủy thác. Quyết định hoặc Hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

a) Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ).

b) Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác.

c) Số vốn ủy thác, việc quản lý vốn nhận ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;

d) Trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác.

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt Quyết định hoặc Hợp đồng ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm, tranh chấp (nếu có).

e) Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Quỹ có trách nhiệm hạch toán và theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) của Quỹ.

4. Việc nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và không ảnh hưởng đến thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều lệ này.

5. Quỹ được hưởng khoản thu từ việc nhận ủy thác và được xác định là khoản thu của Quỹ.

CHƯƠNG VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO CỦA QUỸ

Điều 27. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Chế độ tài chính (bao gồm cả cơ chế tiền lương, các khoản phụ cấp của cán bộ quản lý, cán bộ kiêm nhiệm, người lao động) và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2).

3. Đất trụ sở của Quỹ thực hiện theo chế độ sử dụng đất áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 28. Các khoản thu, chi của Quỹ

1. Các khoản thu gồm:

a) Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ theo quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

b) Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.

c) Khoản thu từ việc nhận ủy thác quản lý quỹ khác quy định tại khoản 5 Điều 26 Điều lệ này.

d) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các khoản chi gồm:

a) Chi phục vụ hoạt động ứng vốn, thu hồi vốn ứng, quản lý vốn hoạt động của Quỹ.

b) Chi tiền lương, các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

c) Các khoản nộp ngân sách nhà nước và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ để làm căn cứ thực hiện, quản lý việc chi tiêu của Quỹ.

4. Không sử dụng vốn điều lệ của Quỹ để chi cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này. Chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định được bổ sung vốn điều lệ của Quỹ.

5. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.

2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CÁC ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC ĐƯỢC ỨNG VỐN

Điều 30. Mối quan hệ giữa Quỹ với các cơ quan quản lý nhà nước

Quỹ thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước của Trung ương và địa phương, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về tài chính, về nghiệp vụ theo chức năng và các quy định pháp luật liên quan; kịp thời nắm bắt các thông tin cần thiết để tổ chức hoạt động đúng quy định, thực hiện tốt chế độ thông tin, báo cáo.

Điều 31. Mối quan hệ giữa Quỹ đối với các đơn vị, tổ chức nhận vốn ứng

Quỹ có trách nhiệm thực hiện ứng vốn cho các đơn vị, tổ chức được ứng vốn đảm bảo đúng đối tượng, điều kiện, thẩm quyền theo các quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Các đơn vị nhận vốn ứng phải thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục, hồ sơ, tài liệu, cam kết sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng đúng phương án.

CHƯƠNG VIII

XỬ LÝ TRANH CHẤP VÀ GIẢI THỂ QUỸ

Điều 32. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 33. Giải thể

Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ và văn bản pháp luật khác có liên quan.

CHƯƠNG IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 34. Xử lý chuyển tiếp

Trường hợp Quỹ đã ứng vốn theo đúng quy định của pháp luật để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, tạo quỹ đất theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà đến thời điểm Nghị định 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ có hiệu lực thi hành chưa hoàn thành việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ được xử lý như sau:

1. Đối với trường hợp đã xác định nguồn hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án hoặc nguồn đã được xác định theo quy định thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ từ nguồn vốn của dự án thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này hoặc từ nguồn đã được xác định theo quy định.

2. Đối với trường hợp còn lại (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) thì việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản điểm d khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này.

3. Chi phí quản lý vốn ứng:

a) Các dự án đã ứng vốn có mức chi phí quản lý vốn ứng bằng mức phí ứng vốn ngân sách nhà nước đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành thì chi phí quản lý vốn ứng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 24 và hoàn trả chi phí quản lý vốn ứng theo khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này.

b) Các dự án đã ứng vốn có mức chi phí quản lý vốn ứng = 0 (bằng không), thì tiếp tục áp dụng mức phí = 0 (bằng không).

Điều 35. Xử lý trách nhiệm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng

1. Cơ quan, đơn vị được ứng vốn có trách nhiệm sử dụng vốn ứng đúng mục đích và hoàn trả vốn ứng theo đúng phương án đã xây dựng. Trường hợp cơ quan, đơn vị để phát sinh khoản vốn ứng quá hạn hoàn trả thì xử lý trách nhiệm như sau:

a) Cơ quan, đơn vị phải chịu mức chi phí quản lý vốn ứng quá hạn bằng 150% mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ, tính trên số dư nợ quá hạn (áp dụng theo quy định của Bộ tài chính quy định tạm ứng, vay ngân quỹ nhà nước của ngân sách nhà nước).

b) Quỹ tổng hợp đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép bố trí vốn từ dự toán giao hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương để thu hồi ngay vốn ứng và phí ứng vốn về Quỹ.

c) Cơ quan, đơn vị để phát sinh vốn ứng quá hạn sẽ bị xem xét trong việc đánh giá xếp loại theo quy định.

2. Thủ trưởng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc thực hiện cam kết hoàn trả vốn ứng, chi phí quản lý vốn ứng theo phương án đơn vị đã xây dựng.

Điều 36. Trách nhiệm thi hành

1. Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện Điều lệ này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, trung tâm, đoàn thể cấp tỉnh; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực VIII; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

Điều 37. Quy trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, rà soát, báo cáo Hội đồng quản lý trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này theo quy định (nếu cần thiết).

Điều 38. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Các tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhằm trục lợi; tham ô, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; cố ý làm trái gây thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước trong hoạt động của Quỹ thì tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật./.